

PMI® Ngành Sản xuất Việt Nam của IHS Markit

Sản lượng tăng với tốc độ nhanh nhất kể từ tháng 11/2018 khi số lượng đơn đặt hàng mới tăng mạnh

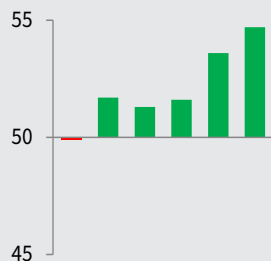
PMI Ngành Sản xuất Việt Nam

Tháng 4/2021

54,7

Tháng 3: 53,6

Tháng 11/2020 - Tháng 4/2021



Sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới tăng nhanh hơn.

Lượng công việc tồn đọng tăng mặc dù việc làm tăng

Giá bán hàng tăng mạnh nhất trong gần một thập kỷ

Tốc độ tăng trưởng trong lĩnh vực sản xuất của Việt Nam mạnh lên trong tháng 4. Sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới tăng nhanh hơn và các công ty đáp ứng bằng cách tăng số lượng việc làm và tăng mua hàng.

Chi phí đầu vào tiếp tục tăng mạnh, từ đó dẫn đến giá bán hàng tăng nhanh nhất trong gần một thập kỷ. Tuy nhiên, có một số dấu hiệu cho thấy sự gián đoạn của nguồn cung đã bắt đầu bớt căng thẳng trong tháng.

Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng - Manufacturing Purchasing Managers' Index™ (PMI®) của Việt Nam tăng tháng thứ ba liên tiếp, đạt 54,7 điểm trong tháng 4 so với 53,6 điểm trong tháng 3. Số liệu mới nhất cho thấy các điều kiện hoạt động của lĩnh vực sản xuất cải thiện đáng kể, và đây là mức cải thiện mạnh nhất kể từ tháng 11/2018.

Lĩnh vực sản xuất tăng trưởng trong tháng 4 với các dấu hiệu cho thấy khách hàng đã

sẵn sàng đặt những đơn hàng lớn hơn trước, trong bối cảnh nhu cầu nói chung đã cải thiện, và khả năng kiểm soát đại dịch COVID-19. Tổng số lượng đơn đặt hàng mới tăng tháng thứ tám liên tiếp, và tốc độ tăng là nhanh nhất trong gần hai năm rưỡi. Số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới cũng tiếp tục tăng trong bối cảnh nhu cầu quốc tế cải thiện.

Số lượng đơn đặt hàng mới tăng dẫn đến sản lượng sản xuất tăng, và tăng trưởng cũng đạt mức nhanh nhất kể từ tháng 11/2018. Các công ty sản xuất hàng hóa tiêu dùng có mức tăng sản lượng mạnh nhất trong số ba lĩnh vực được khảo sát.

Các công ty đã tăng số lượng nhân công để tăng sản lượng. Việc làm đã tăng tháng thứ ba liên tiếp, và đây trở thành mức tăng mạnh nhất kể từ tháng 12/2018. Tuy nhiên, mức tăng năng suất là không đủ để không

còn tiếp...

PMI Ngành Sản xuất Việt Nam

Điều chỉnh theo mùa, >50 = cải thiện so với tháng trước



Nội dung

[Tổng quan và bình luận](#)

[Sản lượng và nhu cầu](#)

[Kỳ vọng kinh doanh](#)

[Việc làm và công suất](#)

[Giá cả](#)

[Hoạt động mua hàng và hàng tồn kho](#)

[Các hạng mục được báo cáo](#)

[PMI quốc tế](#)

[Thông tin thêm](#)

Tổng quan tiếp theo...

làm tăng lượng công việc tồn đọng trong 15 tháng do số lượng đơn đặt hàng mới tăng.

Cùng với việc tăng số lượng nhân viên, các công ty cũng tăng mạnh hoạt động mua hàng. Những người trả lời khảo sát cho biết việc tăng mua hàng hóa đầu vào là để vừa đáp ứng số lượng đơn đặt hàng mới tăng vừa tăng hàng dự trữ nhằm hỗ trợ cho tăng sản lượng trong các tháng tới.

Kế hoạch tăng dự trữ hàng nhìn chung đã thành công trong tháng 4, với cả tồn kho hàng mua và hàng thành phẩm đều tăng. Trong cả hai trường hợp, tốc độ tăng là mạnh và nhanh hơn so với cuối quý 1.

Có một số dấu hiệu cho thấy mức độ gián đoạn chuỗi cung ứng đã bớt nghiêm trọng trong tháng 4. Trong khi thời gian giao hàng của nhà cung cấp tiếp tục kéo dài, mức độ

suy giảm năng lực của người bán hàng là nhỏ và là nhẹ nhất kể từ tháng 9 năm ngoái. Ở những nơi thời gian giao hàng bị kéo dài, có những báo cáo nhắc đến tình trạng khan hiếm nguồn cung và những khó khăn trong khâu chuyển hàng toàn cầu.

Tình trạng khan hiếm nguồn cung và chi phí vận chuyển tăng tiếp tục làm giá cả đầu vào tăng. Mức độ tăng chi phí vẫn lớn và chỉ chậm hơn một chút so với tháng 3. Về phần mình, các công ty tăng mạnh giá bán hàng, với tốc độ tăng giá nhanh hơn và trở thành mức nhanh nhất trong gần một thập kỷ.

Kỳ vọng đại dịch COVID-19 sẽ vẫn được kiểm soát dẫn đến nhu cầu tăng và việc đưa ra các dòng sản phẩm mới, đã hỗ trợ niềm tin của các công ty về triển vọng sản lượng trong 12 tháng tới.



Bình luận

Bình luận về kết quả khảo sát mới đây, Andrew Harker, Giám đốc Kinh tế tại IHS Markit, nói:

“Theo khảo sát chỉ số PMI mới nhất, lĩnh vực sản xuất Việt Nam đã khởi sắc vào đầu quý 2. Sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới tăng mạnh nhất kể từ cuối năm 2018, và có những báo cáo đầy khích lệ rằng, khách hàng thường sẵn sàng đặt các đơn hàng lớn với niềm tin mạnh mẽ vào sự bền vững của bức tranh tăng trưởng hiện tại. Tương tự như vậy, các nhà sản xuất cũng tăng hoạt động mua hàng và tăng hàng tồn kho để sẵn sàng tăng sản lượng trong các tháng tới.

Áp lực lạm phát vẫn cao khi giá cả đầu ra tăng với tốc độ nhanh nhất trong gần một thập kỷ. Tuy nhiên, cũng có những dấu hiệu cho thấy mức độ trầm trọng của những khó khăn trong chuỗi cung ứng có thể giảm bớt, và hy vọng điều này sẽ giảm một phần áp lực lên giá cả.”

Sản lượng và nhu cầu

Sản lượng

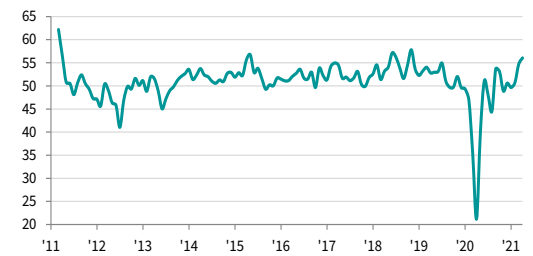
Sản lượng của lĩnh vực sản xuất của Việt Nam đã tăng nhanh trong tháng 4 và trở thành mức nhanh nhất kể từ tháng 11/2018. Đến nay, sản lượng đã tăng trong suốt ba tháng qua. Các công ty báo cáo số lượng đơn đặt hàng mới tăng, trong một số trường hợp quy mô đơn hàng tăng, cùng với khả năng kiểm soát đại dịch COVID-19 và một số dấu hiệu cải thiện của nguồn cung nguyên vật liệu. Tăng trưởng sản lượng là đặc biệt mạnh ở các nhà sản xuất hàng hóa tiêu dùng.

Chỉ số sản lượng

Điều chỉnh theo mùa, >50 = tăng so với tháng trước

56,0

Th. 4 '21



Đơn đặt hàng mới

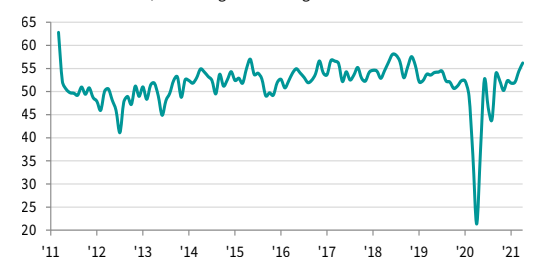
Như đã được ghi nhận trong suốt tám tháng qua, các công ty sản xuất Việt Nam có số lượng đơn đặt hàng mới tăng trong tháng 4. Hơn nữa, tốc độ tăng đã nhanh hơn và trở thành mức cao của thời kỳ 29 tháng. Bên cạnh các báo cáo về tình hình cải thiện chung của nhu cầu, có một số báo cáo cụ thể cho thấy khách hàng đặt các đơn hàng lớn, đồng thời đơn đặt hàng xuất khẩu mới cũng tăng.

Chỉ số đơn đặt hàng mới

Điều chỉnh theo mùa, >50 = tăng so với tháng trước

56,2

Th. 4 '21



Đơn đặt hàng xuất khẩu mới

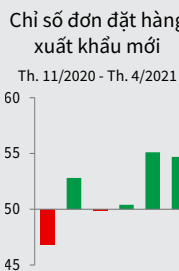
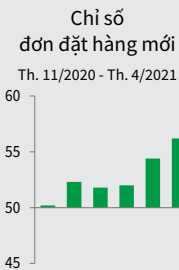
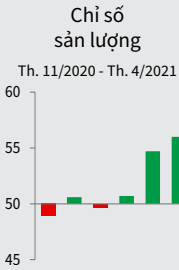
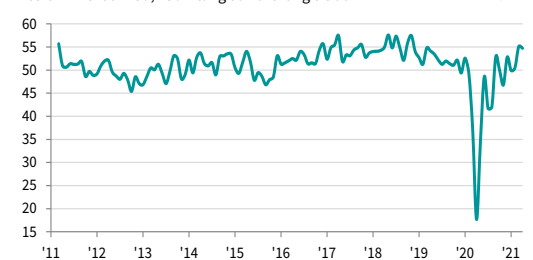
Số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới tăng đáng kể vào đầu quý 2 với tốc độ tăng chỉ chậm hơn một chút so với mức cao mới đây trong tháng 3. Các số liệu thống kê chưa đầy đủ cho thấy nhu cầu quốc tế mạnh lên, với một số báo cáo cho biết đơn đặt hàng nhận được từ các quốc gia Châu Á.

Chỉ số đơn đặt hàng xuất khẩu mới

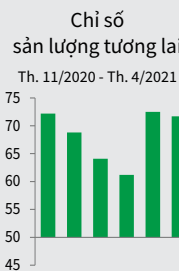
Điều chỉnh theo mùa, >50 = tăng so với tháng trước

54,7

Th. 4 '21



Kỳ vọng kinh doanh



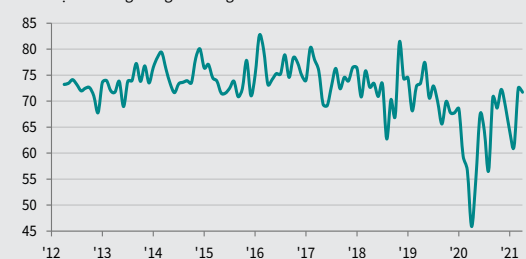
Mức độ lạc quan về triển vọng sản lượng 12 tháng tới vẫn cao trong tháng tư, mặc dù có giảm so với tháng 3. Khoảng 46% số người trả lời đã dự đoán tăng sản lượng trong năm tới. Triển vọng tích cực thường dựa trên hy vọng rằng đại dịch COVID-19 vẫn sẽ được kiểm soát, từ đó hỗ trợ nhu cầu khách hàng. Việc đưa ra các dòng sản phẩm mới cũng được các báo cáo nhắc đến.

Chỉ số sản lượng tương lai

>50 = dự kiến tăng trong 12 tháng tới

71,7

Th. 4 '21



Việc làm và công suất

Việc làm

Các công ty đáp ứng số lượng đơn đặt hàng mới tăng bằng cách nhận thêm nhân viên. Hơn nữa, tốc độ tạo việc làm tiếp tục nhanh hơn trong tháng 4 và trở thành mức cao của thời kỳ 28 tháng. Cả ba lĩnh vực thị trường khảo sát đều có việc làm tăng, và mức tăng mạnh nhất thuộc về các nhà sản xuất hàng hóa đầu tư cơ bản.

Công việc chưa được thực hiện

Lượng công việc tồn đọng trong tháng 4 đã tăng lần đầu tiên trong 15 tháng, mặc dù chỉ là tăng nhẹ. Mức tăng đã được ghi nhận bất kể việc làm đã tăng, vì số lượng đơn đặt hàng mới tiếp tục tăng. Mức tăng tổng thể tập trung vào các nhà sản xuất hàng hóa tiêu dùng, cho thấy lĩnh vực này có số lượng đơn đặt hàng mới tăng mạnh nhất.

Giá cả

Giá cả đầu vào

Dữ liệu tháng 4 cho thấy chi phí đầu vào của lĩnh vực sản xuất của Việt Nam tiếp tục tăng đáng kể, và tốc độ tăng giá chỉ chậm hơn một chút so với mức cao của 37 tháng trong tháng 3. Giá cả thị trường toàn cầu tăng, thường do những khó khăn về nguồn cung, cùng với chi phí vận chuyển tăng. Trong khi đó, có những báo cáo cho thấy giá cả các mặt hàng từ Trung Quốc tăng.

Giá cả đầu ra

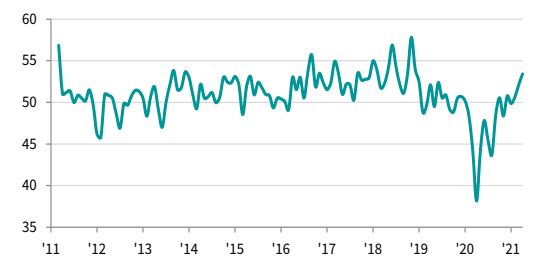
Chi phí đầu vào tăng mạnh dẫn đến giá bán hàng tăng đáng kể và với tốc độ nhanh hơn trong tháng 4. Tốc độ tăng giá đã nhanh hơn tháng thứ hai liên tiếp và là nhanh nhất trong gần một thập kỷ. Các công ty sản xuất hàng hoá trung gian có mức tăng giá đầu ra mạnh nhất.

Chỉ số việc làm

Điều chỉnh theo mùa, >50 = tăng so với tháng trước

53,4

Th. 4 '21

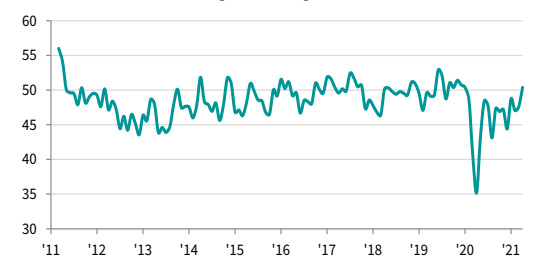


Chỉ số công việc chưa được thực hiện

Điều chỉnh theo mùa, >50 = tăng so với tháng trước

50,4

Th. 4 '21

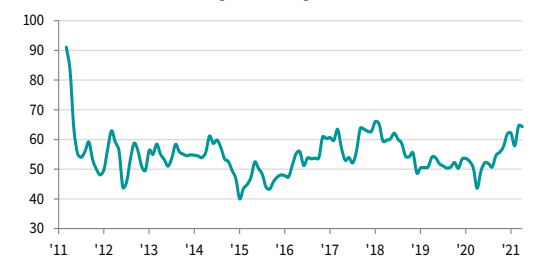


Chỉ số giá cả đầu vào

Điều chỉnh theo mùa, >50 = tăng so với tháng trước

64,3

Th. 4 '21



Chỉ số giá cả đầu ra

Điều chỉnh theo mùa, >50 = tăng so với tháng trước

56,9

Th. 4 '21



Hoạt động mua hàng và hàng tồn kho

Số lượng hàng mua

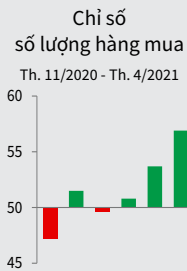
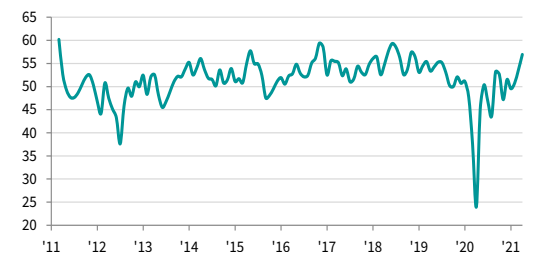
Các nhà sản xuất Việt Nam đã tăng nhanh hoạt động mua hàng vào đầu quý 2, và tốc độ tăng nhanh hơn thành mức mạnh nhất trong gần hai năm rưỡi. Theo những người trả lời khảo sát, mua hàng hóa đầu vào đã tăng nhằm đáp ứng số lượng đơn đặt hàng mới tăng, và phản ánh mong muốn tích trữ hàng tồn kho cho nhu cầu sản xuất sắp tới.

Chỉ số số lượng hàng mua

56,9

Điều chỉnh theo mùa, >50 = tăng so với tháng trước

Th. 4 '21



Thời gian giao hàng của nhà cung cấp

Mặc dù thời gian giao hàng của nhà cung cấp tiếp tục bị kéo dài trong tháng 4, mức độ chậm chễ là ít đáng kể nhất trong bảy tháng, và nhìn chung chỉ ở mức vừa phải. Ở những nơi thời gian giao hàng bị kéo dài, nguyên nhân được cho là tình trạng khan hiếm nguyên vật liệu, những khó khăn trong khâu chuyển hàng toàn cầu, và đại dịch COVID-19.

Chỉ số thời gian giao hàng của nhà cung cấp

48,3

Điều chỉnh theo mùa, >50 = thời gian nhanh hơn so với tháng trước

Th. 4 '21



Tồn kho hàng mua

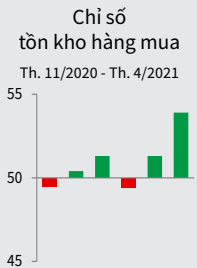
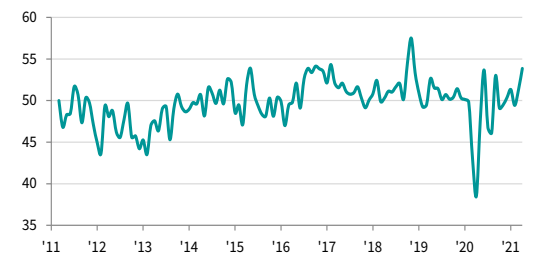
Hoạt động mua hàng tăng, ở một số trường hợp là để tăng hàng tồn kho, đã làm tăng dự trữ hàng mua trong tháng 4. Hơn nữa, mức tăng lượng hàng tồn kho trước sản xuất là lớn và là mạnh nhất kể từ tháng 11/2018. Tồn kho hàng mua đến nay đã tăng suốt năm tháng qua.

Chỉ số tồn kho hàng mua

53,9

Điều chỉnh theo mùa, >50 = tăng so với tháng trước

Th. 4 '21



Hàng tồn kho thành phẩm

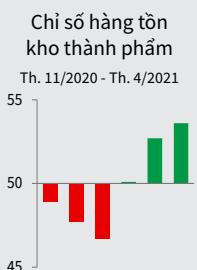
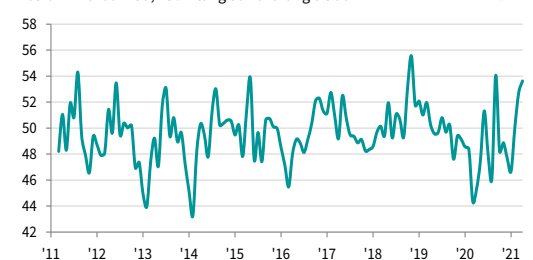
Phù hợp với tình hình tồn kho hàng mua, tồn kho hàng thành phẩm cũng tăng mạnh trong tháng 4. Tốc độ tăng mạnh lên và nhanh nhất trong bảy tháng. Các thành viên nhóm khảo sát cho biết nhân tố chính làm tăng hàng tồn kho thành phẩm là sản lượng đã tăng ở mức đáng kể.

Chỉ số hàng tồn kho thành phẩm

53,6

Điều chỉnh theo mùa, >50 = tăng so với tháng trước

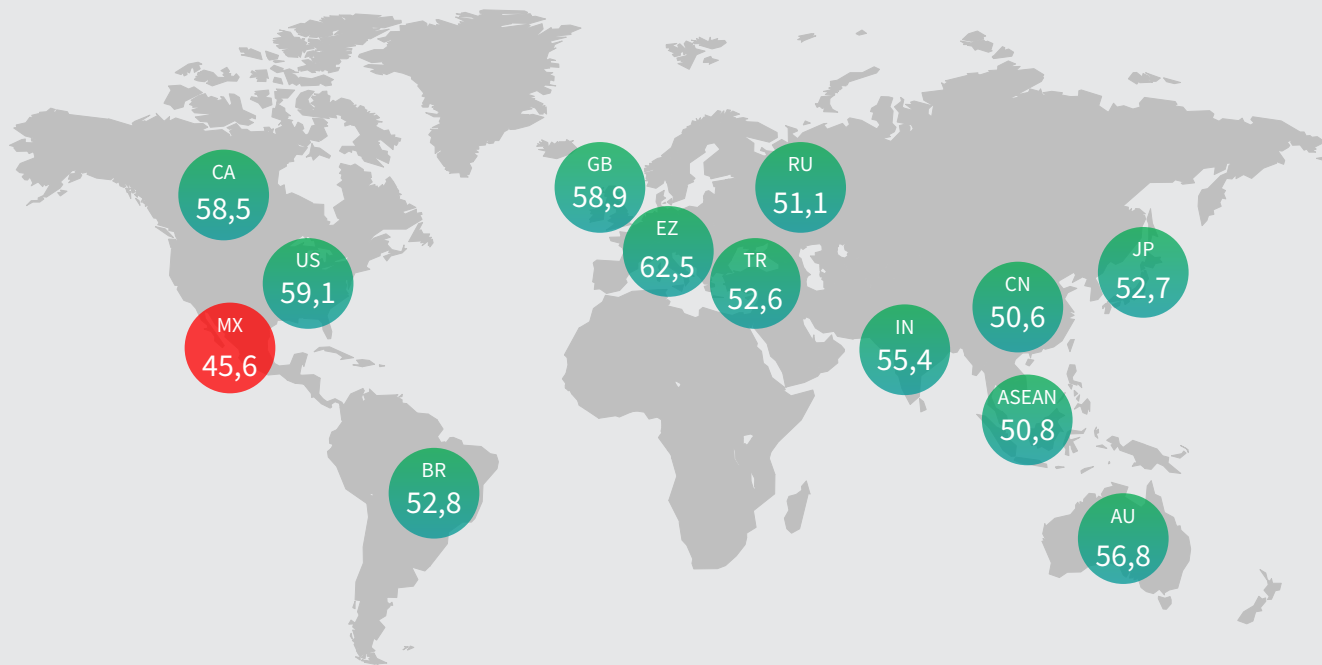
Th. 4 '21



PMI quốc tế

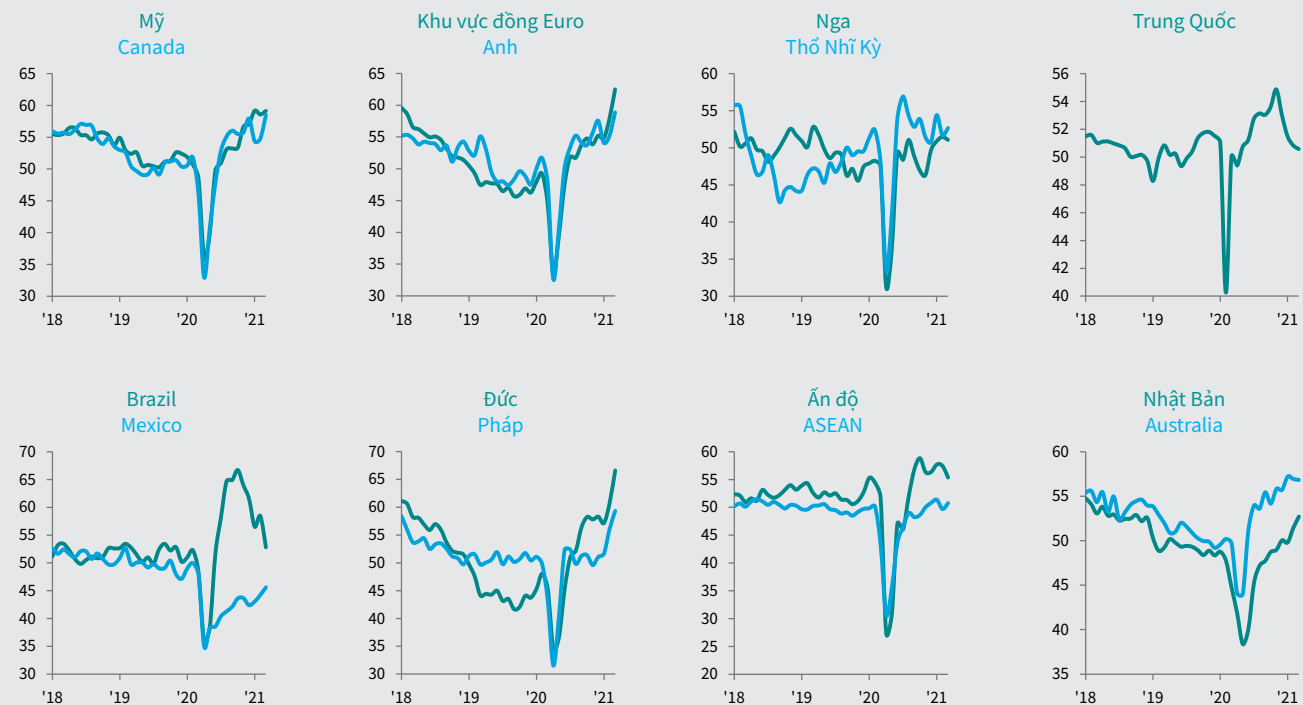
PMI Ngành sản xuất, Tháng 3/2021

Điều chỉnh theo mùa, >50 = cải thiện so với tháng trước



PMI Ngành sản xuất

Điều chỉnh theo mùa, >50 = cải thiện so với tháng trước



Các hạng mục được báo cáo

Những danh sách sau cho biết những hạng mục được báo cáo tăng giá, giảm giá hoặc khan hiếm nguồn cung trong kỳ khảo sát gần đây nhất. Các hạng mục có thể được liệt kê là vừa tăng giá vừa giảm giá. Điều này có thể phản ánh các nguồn cung (ví dụ trong nước thay vì nhập khẩu), hoặc những khác biệt về giá cả đơn vị mặt hàng do số lượng đặt hàng khác nhau. Những danh sách này cũng cho biết lĩnh vực ngành báo cáo đối với mỗi hạng mục, theo mã phân loại Công nghiệp Tiêu chuẩn (SIC).

SIC codes			
10 Sản xuất hàng hóa thực phẩm	16 Đồ gỗ và các sản phẩm gỗ	22 Sản xuất cao su và các sản phẩm nhựa	28 Máy móc và thiết bị chưa được phân loại ở chỗ khác
11 Sản xuất đồ uống	17 Sản xuất giấy và các sản phẩm giấy	23 Sản xuất các sản phẩm khoáng á kim khác	29 Xe có động cơ, xe rơ moóc và xe sơ mi rơ moóc
12 Sản xuất sản phẩm thuốc lá	18 In ấn và sao chép băng đĩa	24 Sản xuất kim loại cơ bản	30 Sản xuất các thiết bị vận tải khác
13 Sản xuất hàng dệt	19 Sản xuất than cốc và các sản phẩm lọc dầu	25 Sản phẩm kim loại chế tạo	31 Sản xuất đồ đạc trong nhà
14 Sản xuất đồ trang sức	20 Sản xuất hóa chất và các sản phẩm hóa chất	26 Máy tính, các sản phẩm điện tử và quang học	32 Ngành sản xuất khác
15 Sản xuất đồ da và các sản phẩm liên quan	21 Sản phẩm được	27 Sản xuất thiết bị điện	33 Sửa chữa và lắp đặt máy móc và thiết bị

Các Mặt hàng Tăng Giá

Kim loại	SIC
Đồng	26, 27, 31
Kẽm	18, 25
Lon	10
Nhôm	16, 23, 29
Những kim loại quý	31
Sắt	10, 16, 20, 24, 25, 26, 27, 28, 31, 33
Thép	10, 16, 20, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 32, 33
Thép không gỉ	25, 28
Thép lá	28, 30
Thiếc	30
Sản xuất kim loại	SIC
Đinh vít	10, 16
Ống thép	28
Thành phần kim loại	31
Hóa chất	SIC
Chất béo	10
Hóa chất	20, 21
Keo dán	15, 16
Kháng sinh	21
Lysine	10
Men vi sinh, men tiêu hóa	10
Sơn	16, 23, 30
Thuốc	10
Thuốc nhuộm	13
Vitamin, vitamin các loại	10
Nhựa	SIC
Nhựa pvc	21, 31
Đế giày cao su	15
Hạt nhựa	15, 20, 22, 26
Màng phim, phim	18
Nguyên liệu nhựa	10
Nhựa	16, 18, 20, 21, 22, 23, 26, 27, 30, 31
Giấy/Gỗ	SIC
Cây song mây	16
Giấy	14, 17, 18, 19, 21, 22, 31
Giấy in	22
Gỗ sồi	31
Ván	31
Đóng gói	SIC
Bao bì	10, 19, 20, 21
Bao ni lông	14, 22
Gỗ	16, 31
Hộp	10
Thùng carton	10, 14, 16, 20, 25, 27
Cao su	SIC
Cao su	22

Đệt/Vải	SIC
Bông xơ	13
Vải	13, 32
Lương thực	SIC
Bắp	10
Bơ	10, 12
Bột	10
Bột gạo	10
Cá	10
Ca cao - bột ca cao đỏ	12
Đậu - đậu đã được bóc vỏ	10
Đậu nành	10
Đậu nấu ăn	10
Đầu thực phẩm	10
Dừa	10
Đường	10, 11, 12, 23
Gạo	23
Hạt đậu	10
Hạt điều	10
Lá tươí	10
Lúa mì	10
Lúa mì, bột mì, cám mì	10
Nguyên liệu làm bia, hoa tiệp	23
Sữa bột	11
Tôm	10
Trà	11
Năng lượng	SIC
Dầu	12, 15, 24, 26
Dầu diesel	30
Nhiên liệu, xăng dầu, dầu đốt	30
Xăng dầu	22
Hỗn hợp	SIC
Đa bò	15
Đá nhân tạo	20
Đồ gốm	32
Giấy kraft	22
Loại van chuyên dùng	27
Máy móc hàng hải	30
Mực viết	18
Nguyên liệu	10
Ống phôi thép	24
Phân hóa học	20
Sợi	13
Thuốc lá	19
Trấu	23
Tre nguyên liệu	16

Các Mặt hàng Giảm Giá

Hóa chất	SIC
Toluene	20
Xylen	20
Nhựa	SIC
Hạt nhựa	22
Đệt/Vải	SIC
Cotton, bông cotton	13
Lương thực	SIC
Gạo	10
Trái cây	21
Năng lượng	SIC
Dầu	22

Các mặt hàng thiếu nguồn cung

Kim loại	SIC
Sắt	24, 27, 33
Thép	25, 28, 33
Sản xuất kim loại	SIC
Ống thép	28
Nhựa	SIC
Hạt nhựa	15, 26
Giấy/Gỗ	SIC
Cây song mây	16
Giấy	17
Gỗ sồi	31
Đóng gói	SIC
Gỗ	16, 31
Cao su	SIC
Cao su	13
Đệt/Vải	SIC
Vải	13
Lương thực	SIC
Cà tím	10
Dừa chuột	10
Dừa gang	10
Năng lượng	SIC
Dầu	15
Hỗn hợp	SIC
Lớp phủ ngoài	30
Nguyên vật liệu phụ	30
Ống phôi thép	24
Sợi	13
Trấu	23

Tóm tắt chỉ số

Điều chỉnh theo mùa, 50 = không thay đổi so với tháng trước. *50 = không thay đổi trong 12 tháng tới.

	PMI	Sản lượng	Đơn đặt hàng mới	Đơn đặt hàng xuất khẩu mới	Sản lượng tương lai*	Việc làm	Công việc chưa được thực hiện	Giá cả đầu vào	Giá cả đầu ra	Số lượng hàng mua	Thời gian giao hàng của nhà cung cấp	Tồn kho hàng mua	Hàng tồn kho thành phẩm
20-11	49,9	48,9	50,2	46,8	72,2	48,4	47,2	57,6	51,5	47,2	47,0	49,5	48,9
20-12	51,7	50,6	52,3	52,8	68,8	50,8	44,4	61,8	52,4	51,5	45,8	50,4	47,7
21-01	51,3	49,7	51,8	49,9	64,1	49,9	48,8	62,1	51,8	49,6	44,8	51,3	46,7
21-02	51,6	50,7	52,0	50,4	61,2	50,6	47,1	57,9	51,6	50,8	45,2	49,4	50,1
21-03	53,6	54,7	54,4	55,1	72,5	52,1	47,6	64,6	54,6	53,7	46,6	51,3	52,7
21-04	54,7	56,0	56,2	54,7	71,7	53,4	50,4	64,3	56,9	56,9	48,3	53,9	53,6

Phương pháp luận

PMI® Ngành Sản xuất Việt Nam của IHS Markit được IHS Markit thu thập từ phần trả lời cho các câu hỏi hàng tháng gửi cho các nhà quản trị mua hàng trong một nhóm gồm khoảng 400 nhà sản xuất. Nhóm khảo sát được phân chia theo lĩnh vực và quy mô lao động của công ty, dựa trên đóng góp vào GDP.

Những câu trả lời khảo sát được thu thập ở nửa cuối của mỗi tháng và cho biết chiều hướng thay đổi so với tháng trước. Một chỉ số khuếch tán được tính toán cho mỗi tham số khảo sát. Chỉ số là tổng cộng phần trăm số câu trả lời 'cao hơn' và một nửa tỷ lệ phần trăm các câu trả lời 'không thay đổi'. Các chỉ số có giá trị từ 0 đến 100, với một kết quả trên 50 thể hiện một mức tăng tổng thể so với tháng trước, và dưới 50 thể hiện một mức giảm tổng thể. Các chỉ số sau đó được điều chỉnh theo mùa.

Chỉ số toàn phần là Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng - Purchasing Managers' Index™ (PMI). Chỉ số PMI là số bình quân gia quyền của năm chỉ số sau: Đơn đặt hàng mới (30%), Sản lượng (25%), Việc làm (20%), Thời gian giao hàng của nhà cung cấp (15%) và Tồn kho hàng mua (10%). Để tính toán chỉ số PMI, chỉ số thời gian giao hàng của nhà cung cấp được đảo ngược để nó biến động theo một hướng có thể so sánh với các chỉ số khác.

Dữ liệu khảo sát cơ bản không được điều chỉnh sau khi xuất bản, nhưng các nhân tố điều chỉnh theo mùa có thể được điều chỉnh trong từng thời điểm khi phù hợp và những điều chỉnh này sẽ ảnh hưởng đến các chuỗi dữ liệu điều chỉnh theo mùa.

Dữ liệu Tháng 4 năm 2021 được thu thập từ ngày 12 đến ngày 22 Tháng 4 năm 2021.

Để biết thêm thông tin về phương pháp luận của khảo sát PMI, xin liên hệ economics@ihsmarkit.com.

Quyền khước từ

Bản quyền sở hữu trí tuệ đối với dữ liệu cung cấp tại đây là sở hữu của hoặc được cấp phép cho IHS Markit. Bất kỳ sự sử dụng trái phép nào, bao gồm nhưng không hạn chế ở việc sao chép, phân phối, truyền tin hay phương thức khác, đối với bất kỳ dữ liệu xuất bản nào đều không được phép nếu không có sự đồng ý trước của IHS Markit. IHS Markit sẽ không có bất kỳ trách nhiệm, bổn phận hay nghĩa vụ nào đối với hoặc liên quan tới nội dung hoặc thông tin ("dữ liệu") bao gồm ở đây, bất kỳ sai sót, thiếu chính xác, bỏ sót hay chậm trễ nào của dữ liệu, hay đối với bất kỳ hành động nào được tiến hành dựa vào những dữ liệu đó. IHS Markit sẽ không chịu trách nhiệm về bất kỳ thiệt hại đặc biệt, ngẫu nhiên, hay là hậu quả, nảy sinh từ việc sử dụng dữ liệu. Purchasing Managers' Index™ và PMI® là các nhãn hiệu thương mại đã được đăng ký của Markit Economics Limited hoặc được cấp phép cho Markit Economics Limited. IHS Markit là nhãn hiệu thương mại đã được đăng ký của IHS Markit Ltd. và/hoặc các chi nhánh.

Thông tin về IHS Markit

IHS Markit (NYSE: INFO) là công ty hàng đầu thế giới chuyên cung cấp các thông tin, phân tích và các giải pháp quan trọng cho các ngành và thị trường lớn mà đang là động lực cho các nền kinh tế trên toàn cầu. Công ty cung cấp các thông tin, phân tích và giải pháp tiên tiến nhất cho khách hàng thuộc lĩnh vực kinh doanh, tài chính và chính phủ, nâng cao hiệu quả hoạt động của họ và cung cấp những ý kiến phân sâu sắc làm cơ sở đưa ra những quyết định sáng suốt và tự tin. IHS Markit có hơn 50.000 khách hàng là các doanh nghiệp và chính phủ, bao gồm 80% danh sách 500 công ty hàng đầu (Fortune Global 500) và các tổ chức tài chính hàng đầu thế giới.

IHS Markit là nhãn hiệu thương mại đã được đăng ký của IHS Markit Ltd. và/hoặc các chi nhánh. Tất cả các tên của công ty và sản phẩm khác có thể là nhãn hiệu của những người sở hữu liên quan. © 2021 IHS Markit Ltd. Tất cả bản quyền được bảo vệ.

Về chỉ số PMI

Khảo sát Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng - Purchasing Managers' Index™ (PMI®) đã được thực hiện cho 40 quốc gia và cả cho các khu vực chủ chốt kể cả khu vực đồng Euro. Đây là những cuộc khảo sát kinh doanh được theo dõi nhiều nhất trên thế giới, được sự ủng hộ của các ngân hàng trung ương, thị trường tài chính và các nhà hoạch định chính sách kinh doanh vì khả năng cung cấp những chỉ báo cập nhật, chính xác và độc đáo về các xu hướng kinh tế. Để tìm hiểu thêm hãy truy cập ihsmarkit.com/products/pmi.html.